

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PT
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 297/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 29/7/2021

Về ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PT, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thành Thuận

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Đình Phùng
2. Ông Võ Thái Quân

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Nhung - Thư ký viên Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PT chính thức: Ông Lưu Tiến Dũng – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện PT, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 18/2021/TLST- HNGĐ, ngày 19-01-2021 tranh chấp Hôn nhân và gia đình về “*ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 157/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 05 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Thi Thị B, sinh năm 1986. Địa chỉ cư trú: ấp MT, xã MHĐ, huyện CM, tỉnh An Giang. (xin vắng mặt)

2. Bị đơn: Anh Trần Thành C, sinh năm 1980. Địa chỉ cư trú: ấp HM, xã PH, huyện PT, tỉnh An Giang. (hiện nay anh C tạm trú tại nhà trọ “Tâm” địa chỉ: DL12, khu Phố 3B, phường TH, thị xã BC, tỉnh Bình Dương). (xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản hòa giải không được chị Thi Thị B có lời trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Nguyên anh chị do dòng họ gia đình hai bên mai mối với nhau và tìm hiểu trước một thời gian ngắn, được cha, mẹ hai bên đồng ý tiến tới hôn nhân và có tổ chức lễ cưới vào năm 2003, có đăng ký kết hôn tại UBND xã MHĐ, huyện CM, tỉnh An Giang. Quá trình chung sống với nhau hạnh phúc đến đầu năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn với nhau. Lý do bất đồng quan điểm trong

cuộc sống, chị cho rằng anh C thường xuyên ăn chơi đến mức phải đem tài sản trong nhà đi cầm, chơi cờ bạc, chơi số đề và tham gia đá gà; chị nhiều lần khuyên ngăn nhưng anh C không thay đổi cho đến khoảng tháng 4 năm 2019 anh C bỏ nhà ra đi thỉnh thoảng vài lần về thăm gia đình được vài ngày rồi tiếp tục đi không quan tâm và chăm lo cho gia đình. Chị cảm thấy tình cảm không thể hàn gắn hay chung sống với nhau lâu dài được nữa nên yêu cầu ly hôn với anh Trần Thành C.

Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống anh chị có 03 người con chung tên Trần Thành T, sinh ngày 27/5/2004; Trần Thị Ý H, sinh năm 31/5/2013 và Trần Cao H, sinh năm 29/6/2016 hiện đang sống với chị B. Nay chị B yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 03 người con chung và tự nguyện không yêu cầu anh Trần Thành C phải cấp dưỡng nuôi các con chung.

Về quan hệ tài sản chung; nợ phải thu và phải trả: chị khai không có, không yêu cầu xem xét giải quyết.

- Theo biên bản lấy lời khai của Tòa án nhân dân thị xã BC, tỉnh Bình Dương đối với anh Trần Thành C có lời trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: thống nhất với lời trình bày của chị B, quá trình chung sống với nhau có hạnh phúc đến tháng 4 năm 2019 phát sinh mâu thuẫn với nhau. Lý do: trong cuộc sống vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, do buồn chuyện mâu thuẫn vợ chồng nên bỏ nhà đi làm tại tỉnh Bình Dương từ đó cho đến nay không còn chung sống với nhau. Theo yêu cầu ly hôn của chị B thì anh không đồng ý vì còn thương vợ và các con không muốn gia đình tan vỡ.

Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống có 03 người con chung tên Trần Thành T, sinh ngày 27/5/2004; Trần Thị Ý H, sinh năm 31/5/2013 và Trần Cao H, sinh năm 29/6/2016 hiện đang sống với chị B. Anh C không đồng ý với yêu cầu của chị B về việc nuôi dưỡng các con chung, trường hợp chấp yêu cầu ly hôn của chị B thì anh yêu cầu được nuôi dưỡng các con và không yêu cầu chị B cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Về quan hệ tài sản chung: anh khai tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

Về nợ phải thu và phải trả: anh khai không có, không yêu cầu xem xét giải quyết.

- Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PT về việc Thẩm phán, HĐXX, Thư ký và các đương sự chấp hành thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn chị Thi Thị B và bị đơn anh Trần Thành C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt căn cứ Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự. Về nội dung vụ án: Hôn nhân giữa chị Thi Thị B và bị đơn anh Trần Thành C có đăng ký kết hôn theo quy định nên hôn nhân anh chị được pháp luật công nhận là quan hệ vợ chồng hợp pháp, do mâu thuẫn thời gian dài không hàn gắn lại với

nhau, anh C sống bên gia đình chị B và hiện bỏ nhà đi Bình Dương không còn chung sống với vợ và các con nên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị B. Về quan hệ con chung: 03 người con chung tên Trần Thành T, sinh ngày 27/5/2004; Trần Thị Ý H, sinh năm 31/5/2013 và Trần Cao H, sinh năm 29/6/2016 hiện đang sống với chị B thời gian từ trước đến nay các con chung đều chung sống với chị B và do chị B chăm lo nuôi dưỡng cho đến nay, anh C bỏ nhà không chăm lo cho các cháu và đang đi làm thuê xa nhà không nơi cư trú ổn định nên không thể chấp nhận giao các con chung cho anh C nuôi dưỡng theo yêu cầu của anh C, đề nghị chấp nhận yêu cầu của chị B được tiếp tục nuôi dưỡng các con chung đến trưởng thành. Ngoài ra không có yêu cầu xem xét gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1]. Về hình thức, thủ tục tố tụng:

1.1 Về quan hệ tranh chấp: chị Thi Thị B có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp về “Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1.2 Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh Trần Thành C, sinh năm 1980. Địa chỉ cư trú: ấp HM, xã PH, huyện PT, tỉnh An Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện PT, tỉnh An Giang.

1.3 Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Thi Thị B và bị đơn anh Trần Thành C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên HĐXX căn cứ Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Thi Thị B và anh Trần Thành C.

[2] Về nội dung tranh chấp:

2.1 Về quan hệ hôn nhân: chị Thi Thị B và anh Trần Thành C chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã MHD, huyện CM, tỉnh An Giang xác định đây là hôn nhân được pháp luật bảo vệ và giải quyết khi có mâu thuẫn xảy ra. Căn cứ chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ và Tòa án thu thập thể hiện, hôn nhân của anh chị được xác lập từ năm 2003 trên cơ sở mai mối, tìm hiểu nhau và tự nguyện tiến tới hôn nhân, thời gian đầu có hạnh phúc sau đó phát sinh mâu thuẫn dẫn đến cự cãi thường xuyên, bất đồng quan điểm trong cuộc sống hằng ngày; chị B cho rằng anh C thường xuyên ăn chơi đến mức phải đem tài sản trong nhà đi cầm, chơi cờ bạc, chơi số đề và tham gia đá gà; mặc dù nhiều lần khuyên ngăn nhưng anh C không thay đổi nên dẫn đến bất đồng quan điểm trong cuộc sống gia đình. Anh C cũng thừa nhận trong cuộc sống vợ chồng có những mâu thuẫn như: không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, do buồn chuyện mâu thuẫn vợ chồng nên bỏ nhà đi làm tại tỉnh Bình Dương từ đó cho đến nay không còn chung sống với nhau nữa. HĐXX, xét thấy về phát sinh mâu thuẫn giữa

vợ chồng thì anh chị cũng thừa nhận có mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng, anh C bỏ nhà đi làm thuê tại tỉnh Bình Dương thời gian dài, có vài lần về thăm gia đình và các con không còn chung sống thường xuyên với chị B; đồng thời cha, mẹ ruột của anh C cũng không biết cuộc sống anh C hiện tại như thế nào. Qua lời trình bày của anh C cho rằng còn thương vợ và các con không muốn gia đình tan vỡ không đồng ý theo yêu cầu ly hôn của chị B nhưng anh C cũng không có động thái gì về quan tâm, chăm lo cho cuộc sống gia đình bỏ mặc chị B chăm lo cho gia đình và các con. Và lại, anh chị cũng không thể hàn gắn tình cảm của vợ chồng do còn bất đồng chưa có tiếng nói chung với nhau nên HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Thi Thị B theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

2.2 Về quan hệ con chung: chị Thi Thị B và anh Trần Thành C xác định thời gian chung sống có 03 người con chung tên Trần Thành T, sinh ngày 27/5/2004; Trần Thị Ý H, sinh năm 31/5/2013 và Trần Cao H, sinh năm 29/6/2016 hiện đang sống với chị B. Chị B yêu cầu được tiếp tục nuôi 03 con chung, không yêu cầu anh C cấp dưỡng; anh C cho rằng trường hợp yêu cầu của chị B được Tòa án chấp nhận ly hôn thì anh C yêu cầu được nuôi dưỡng 03 con chung và không yêu cầu chị B phải cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định.

Xét từ thời gian anh chị chung sống và ly thân với nhau cho đến nay 03 người con chung đều được chị Bé trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và ăn học ổn định tại xã MHĐ, huyện CM, tỉnh An Giang còn anh C chưa có nơi cư trú ổn định, gia đình cha, mẹ ruột xã PH, huyện PT, tỉnh An Giang cũng không biết rõ cuộc sống của anh C như thế nào, hiện tại anh C đang làm thuê sinh sống tại tỉnh Bình Dương về điều kiện, kinh tế của anh C cũng chưa đảm bảo để chấp nhận giao 03 người con chung anh C nuôi dưỡng, phù hợp với nguyện vọng của 02 người con tên Trần Thành T và Trần Thị Ý H muốn chung sống với chị B. Từ đó, HĐXX chấp nhận yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 03 con chung của chị B theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Đáng lẽ anh C phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định nhưng chị B tự nguyện không yêu cầu anh C cấp dưỡng nên HĐXX ghi nhận sự tự nguyện của chị B, do đó anh C chưa phải cấp dưỡng đối với các con chung.

Vì lợi ích của các con chung thời gian sau này mà chị B nuôi dưỡng không đảm bảo thì anh C có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

2.3 Về quan hệ tài sản chung và nợ phải thu phải trả: chị Thi Thị B và anh Trần Thành C khai tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét, nhưng sau khi bản án có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ, chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì anh chị phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

[3]. Về án phí DSST: chị Thi Thị B phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Quyền kháng cáo: chị Thi Thị B và anh Trần Thành C có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; Điều 15; khoản 1 Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 4 Điều 147; Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Thi Thị B đối với anh Trần Thành C.

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Thi Thị B được ly hôn với anh Trần Thành C.

2. Về quan hệ con chung:

2.1 Giao 03 người con chung tên Trần Thành T, sinh ngày 27/5/2004; Trần Thị Ý H, sinh năm 31/5/2013 và Trần Cao H, sinh năm 29/6/2016 cho chị Thi Thị B tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc đến thành niên và tự lập được. Chị Thi Thị B tự nguyện không yêu cầu anh Trần Thành C phải cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định. Anh Trần Thành C chưa phải cấp dưỡng nuôi các con chung.

2.2 Chị Thi Thị B trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở mà phải tạo mọi điều kiện thuận lợi khi anh Trần Thành C đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

2.3 Vì lợi ích của con chung khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

3. Về án phí DSST:

3.1 Chị Thi Thị B phải chịu án phí hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001815, ngày 19 tháng 01 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện PT, tỉnh An Giang.

3.2 Anh Trần Thành C không phải chịu án phí.

Chị Thi Thị B và anh Trần Thành C được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tổng đạt hoặc niêm yết bản sao bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện PT;
- CCTHADS huyện PT;
- TAND tỉnh An Giang;
- Lưu: hồ sơ vụ án, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thành Thuận